

Nội dung bài viết

1. [Giải VBT Địa lý lớp 8 Bài 6: Thực hành: Đọc, phân tích lược đồ phân bố dân cư và các thành phố lớn của châu Á](#)

Giải VBT Địa lý lớp 8 Bài 6: Thực hành: Đọc, phân tích lược đồ phân bố dân cư và các thành phố lớn của châu Á

Bài 1 trang 14 VBT Địa Lí 8:

Đọc và phân tích tình hình phân bố dân cư châu Á.

- Quan sát Lược đồ mật độ dân số và một số thành phố lớn ở châu Á dưới đây, nhận biết các khu vực theo mật độ dân số từ thấp lên cao.

- So sánh với hình 1.2 SGK và hình 3.1 SGK, nhận xét mối quan hệ giữa mật độ dân số ở một nơi với đặc điểm địa hình, khí hậu, mạng lưới sông ngòi... ở đó.

- Ghi kết quả vào bảng dưới đây:

Lời giải:

Mật độ dân số	Khu vực	Đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi)
Dưới 1 người/km ²	Bắc LB Nga, Tây Trung Quốc, Ả rập Xê út, I – rắc, I-ran, Ô-man, Ap-ganis-tan, Pa-kis-tan và một số nước Trung Á.	Khí hậu khắc nghiệt, lạnh giá, khô hạn, địa hình núi cao hiểm trở, hoang mạc, đầm lầy, sông ngòi kém phát triển.
1 – 50 người/km ²	Phía Nam LB Nga, Mông Cổ, Băng la đét, một số nước Đông Nam Á, đông nam Thổ Nhĩ Kỳ, I-ran, Y-ê-men.	Khí hậu ôn đới lục địa, cận nhiệt lục địa, nhiệt đới khô, nhiều đấ núi cao nguyên, mạng lưới sông ngòi thưa thớt.
51 – 100 người/km ²	Ven Địa Trung Hải, cao nguyên Đê-can, một số khu vực của In-đô-nê-xi-a, ven đồng bằng duyên hải phía đông Trung Quốc.	Khu vực có mưa, đấ núi thấp, ven các sông lớn.
Trên 100 người/km ²	Nhật Bản, ven biển phía đông Trung Quốc, ven biển Việt Nam, Đồng bằng Ấn Hằng, Xri-lan-ca, ven biển In-đô-nê-si-a và Philippin	Khí hậu ôn đới hải dương, nhiệt đới gió mùa, đồng bằng hạ lưu các sông lớn và đồng bằng ven biển, đất đai màu mỡ, tập trung nhiều sông lớn, được khai thác từ lâu đời, đô thị tập trung dày đặc.

Bài 2 trang 14 VBT Địa Lí 8:

